

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: 15/2024/KDTM-ST

Ngày: 19-8-2024.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Hà Văn Châu.

2/ Bà Đặng Việt Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thuý Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2024/TLST-KDTM ngày 15/02/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 368/2024/QĐXXST-KDTM ngày 16/7/2024 giữa các đương sự:

– Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P.

Trụ sở: Số Đ đường, phường B, Quận A, TP. Hồ Chí Minh.

* Người đại diện hợp pháp: 1/ Ông Đinh Văn T, sinh năm 1986 (có mặt); 2/ Bà Phạm Tú N, sinh năm 1994 (có mặt). Cùng địa chỉ: Số A đường N, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 18/01/2024)

– Bị đơn: Công ty C

Địa chỉ: Số C đường M, Khóm C, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

* Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số T, đường L, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo pháp luật.

– Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1981 (vắng mặt).

2/ Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số G đường L, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Ông Nguyễn Văn D (vắng mặt).

4/ Bà Nguyễn Thị T (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số T ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng

5/ Ông Trương Cảnh E (vắng mặt).

6/ Bà Nguyễn Thị Đ (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số T ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện ngày 18/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP P (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đinh Văn T và bà Phạm Thị Tú N trình bày: Công ty C có vay vốn của Ngân hàng Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 5542/23MN/HĐTĐ ngày 02/03/2023, số tiền vay **2.300.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Hai tỷ ba trăm triệu đồng*) và các Khế ước nhận nợ, cụ thể như sau:

Số HĐTD	Số KUNN	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Lãi suất (%)	Số tiền giải ngân (VNĐ)
5542/23/MN/HĐTĐ ngày 02/03/2023	01	06/03/2023	06/09/2023	11,0	195.000.000
	02	15/03/2023	15/09/2023	11,0	2.000.000.000
Tổng cộng					2.195.000.000

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, Công ty C có thể chấp tẩn sản là quyền sử dụng đất tại: Thửa đất số 334, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, bao gồm: Công trình xây dựng, cây trồng trên đất và các tài sản khác gắn liền với đất, vật phụ gắn liền với công trình xây dựng, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản trên đất theo cam kết thế chấp tài sản ngày 10/03/2022 và Hợp đồng thế chấp số 8926/22MN/HĐBĐ ngày 10/03/2022, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nợ nhưng Công ty C vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ đã ký.

Tính đến ngày 19/8/2024 tổng số tiền Công ty G.M.C còn nợ Ngân hàng là:

- *Đối với Khế ước nhận nợ số 5542/23MN/HĐTĐ/KUNN01 ngày 06/03/2023:* Nợ gốc: 183.006.620 đồng, lãi trong hạn: 4.583.836 đồng, lãi quá hạn: 31.753.583 đồng. Tổng cộng: 219.344.039 đồng.

- *Đối với Khế ước nhận nợ số: 5542/23MN/HĐTĐ/KUNN02 ngày 15/03/2023:* Nợ gốc: 2.000.000.000 đồng, lãi trong hạn: 52.438.356 đồng, lãi quá hạn: 321.276.375 đồng. Tổng cộng: 2.373.714.731 đồng.

Trong quá trình vay vốn, bị đơn đã thanh toán được số tiền vốn gốc của Khế ước nhận nợ số 5542/23MN/HĐTĐ/KUNN01 ngày 06/03/2023 là 11.993.380 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Công ty G.M.C còn nợ của 02 Khế ước nhận nợ là: Nợ gốc: 2.183.006.620 đồng, lãi trong hạn: 57.022.192 đồng, lãi quá hạn: 353.029.958 đồng. Tổng cộng: 2.593.058.770 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty C phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 5542/23MN/HĐTD ngày 02/03/2023, số tiền: Nợ gốc: 2.183.006.620 đồng, lãi trong hạn: 57.022.192 đồng, lãi quá hạn: 353.029.958 đồng. Tổng cộng: 2.593.058.770 đồng. Trường hợp Công ty C không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp nêu trên để Ngân hàng để thu hồi nợ. Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty G.M.C tại Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của Công ty C, thì buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Hồng T phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho đủ nghĩa vụ nợ còn lại theo Văn bản cam kết bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngày 10/03/2022. Trường hợp ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Hồng T không thanh toán hoặc thanh toán không đủ, thì Công ty C vẫn phải có nghĩa vụ trả cho đến khi hết nợ tại Ngân hàng.

– Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty C, nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty C là ông Nguyễn Văn M không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án cung cấp lời khai, không đến tham dự buổi hòa giải cũng như không đến phiên tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

– Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Hồng T, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị T, ông Trương Cảnh E và bà Nguyễn Thị Đ nhưng ông M, bà T, ông D, bà T, ông Cảnh E và bà Đ không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án cung cấp lời khai, không đến tham dự buổi hòa giải cũng như không đến phiên tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà: Nguyễn Văn M, Nguyễn Hồng T, Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị T, ông Trương Cảnh E và bà Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Công ty C có vay vốn của Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số

5542/23MN/HĐTD ngày 02/03/2023, số tiền vay 2.300.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất trong hạn: 11%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh thi công và hoàn thiện công trình xây dựng.

[3] Từ khi vay đến nay, Công ty C chưa trả lãi, đã trả vốn gốc đối với Khế ước nhận nợ số 5542/23MN/HĐTD/KUNN01 ngày 06/03/2023 là 11.993.380 đồng. Tính đến ngày 19/8/2024 Công ty G.M.C còn nợ Ngân hàng: Vốn gốc: 2.183.006.620 đồng, lãi trong hạn: 57.022.192 đồng, lãi quá hạn: 353.029.958 đồng. Tổng cộng: 2.593.058.770 đồng. Do đó căn cứ vào Hợp đồng tín dụng (bút lục 38-41), các đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ (bút lục 12, 13), Hội đồng xét xử xác định Công ty C có vay tiền của Ngân hàng, hiện còn nợ vốn gốc: 2.183.006.620 đồng, lãi trong hạn: 57.022.192 đồng, lãi quá hạn: 353.029.958 đồng. Tổng cộng: 2.593.058.770 đồng.

[4] Xét thấy, việc Công ty C không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, Công ty C vi phạm nghĩa vụ thanh toán, là người có lỗi vi phạm hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật, nên Ngân hàng yêu cầu Công ty C trả số nợ nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng. Mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Điều 11 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà nước ban hành và Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, số tiền lãi theo yêu cầu nêu trên, Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Do vậy, Ngân hàng yêu cầu Công ty C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng vốn gốc: 2.183.006.620 đồng, lãi trong hạn: 57.022.192 đồng, lãi quá hạn: 353.029.958 đồng. Tổng cộng: 2.593.058.770 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Để đảm bảo cho khoản nợ vay của Công ty C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Hồng T có thể chấp cho Ngân hàng tài sản là quyền sử dụng đất tại: Thửa đất số 334, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 8926/22MN/HĐĐB ngày 10/3/2022 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 8926/22MN/HĐĐB/PL01 ngày 02/3/2023; Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 4107/23MN/HĐĐB ngày 02/3/2023.

[6] Xét thấy, về hình thức và nội dung Hợp đồng thế chấp, trình tự và thẩm quyền đăng ký thế chấp là phù hợp theo quy định tại các Điều 317, 318, 319 của Bộ luật Dân sự, có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại Điều 4 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm, nên Hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành. Trong Hợp đồng thế chấp có giao kết về quyền và nghĩa vụ của các bên, điều kiện, thời

hạn và phương thức xử lý tài sản thế chấp khi nghĩa vụ đến hạn mà người vay nợ không thực hiện. Do đó, Ngân hàng yêu cầu nếu như Công ty G.M.C không tự nguyện trả nợ, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với yêu cầu của Ngân hàng là trong trường hợp Công ty C không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ và Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản, nếu số tiền thu được từ phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của Công ty C, thì buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Hồng T phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty C đối với số nợ còn lại. Xét thấy, theo Văn bản cam kết bảo lãnh ngày 10/3/2022 ký kết giữa Ngân hàng và ông M, bà T thì ông M, bà T có cam kết trường hợp Công ty C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì ông M, bà T có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty C. Do đó yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp.

[8] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp là thửa đất số 334, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, hiện có một căn nhà do ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T đang quản lý, sử dụng và một căn nhà hiện do ông Trương Cảnh E và bà Nguyễn Thị Đ đang quản lý sử dụng. Tòa án đã thông báo đưa ông D, bà T, ông Cảnh E và bà Đ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên hết thời gian được thông báo nhưng ông D, bà T không có văn bản trình bày ý kiến hay có yêu cầu gì đối với việc tranh chấp giữa các bên, cũng như đối với yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản thế chấp.

[9] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử không đặt ra việc xử lý tài sản thế chấp ngay, mà đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án thì Công ty C phải tự nguyện trả số tiền nợ nêu trên. Nếu không tự nguyện trả nợ thì Ngân hàng mới có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp theo quy định tại các Điều 500, 501, 502 của Bộ luật Dân sự.

[10] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Vị đại diện Việt kiểm sát nhân dân thành phố S là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về chi phí tố tụng: Bị đơn Công ty C phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền là 1.190.000 đồng. Ngân hàng đã tạm nộp trước. Do đó Công ty C phải trả lại cho Ngân hàng 1.190.000 đồng. Nguyên đơn Ngân hàng, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà: Nguyễn Văn M, Nguyễn Hồng T, Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị T, ông Trương Cảnh E và bà Nguyễn Thị Đ không phải chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn Công ty C phải chịu 83.861.175 đồng án phí sơ thẩm. Nguyên đơn Ngân hàng, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

gồm các ông, bà: Nguyễn Văn M, Nguyễn Hồng T, Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị T, ông Trương Cảnh E và bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 157, Điều 271, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 317, 318, 319, Điều 323 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng

Buộc Công ty C trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc: 2.183.006.620 đồng, lãi trong hạn: 57.022.192 đồng, lãi quá hạn: 353.029.958 đồng. Tổng cộng: 2.593.058.770 đồng (Hai tỷ năm trăm chín mươi ba triệu không trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm bảy mươi đồng).

Kể từ ngày 20/8/2024, Công ty C còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án thì Công ty C phải tự nguyện trả số tiền nêu trên. Nếu không tự nguyện thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ, theo các hợp đồng thế chấp sau: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 8926/22MN/HĐĐB ngày 10/3/2022 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 8926/22MN/HĐĐB/PL01 ngày 02/3/2023; Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 4107/23MN/HĐĐB ngày 02/3/2023. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 334, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, tài sản gắn liền với đất là: 02 (hai) căn nhà cấp 4, 01 sân, 01 quán, 01 hàng rào. Căn nhà thứ nhất: Do ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T đang ở, nhà khung độc lập, bê tông cốt thép, tường xây gạch 10, nền lót gạch men, mái lợp tole, cửa gỗ, sân xi măng, hàng rào xây tường lửng, lưới B40. Căn nhà thứ hai: Do ông Trương Cảnh E và bà Nguyễn Thị Đ đang ở, cạnh nhà số T ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nhà khung độc lập, bê tông cốt thép, tường xây gạch 10, nền lót gạch men, mái lợp tole, 01 quán phía trước, sân xi măng. Trên đất có 01 cây khế loại C, 02 cây mai, 37 cây bông trang, 01 cây cóc loại B, 110 cây dứa loại A, 10 cây dứa loại B, 50 cây chuối loại A, 15 cây chuối loại B, 01 cây cau vua.

Trường hợp Ngân hàng yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp, nếu số tiền thu được từ phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của Công ty C, thì ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Hồng T phải có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty C đối với số nợ còn lại.

2/ Về chi phí tố tụng: Công ty C phải chịu chi phí thẩm định là 1.190.000 đồng. Do Ngân hàng đã tạm nộp trước, nên Công ty C phải trả lại cho Ngân hàng 1.190.000 đồng (Một triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà: Nguyễn Văn M, Nguyễn Hồng T, Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị T, ông Trương Cảnh E và bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3/ Về án phí sơ thẩm: Công ty C phải chịu 83.861.175 đồng (Tám mươi ba triệu tám trăm sáu mươi một nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng) án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001452, ngày 30/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà: Nguyễn Văn M, Nguyễn Hồng T, Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị T, ông Trương Cảnh E và bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu án phí sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- Các đương sự;
- VKSND TPST;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Chiêm Ngọc Linh